

Bản án số: 105/2026/HS-ST
Ngày 21-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Hương – Giáo viên Trường THCS Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;

2. Ông Trần Hữu Nghĩa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thương Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Trương Hoàng L, sinh năm 1999 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi đăng ký thường trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh); nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D và bà Lữ Thị H; chung sống như vợ chồng với Lê Thị Tuyết N (bị cáo trong vụ án) và có 01 người con, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

2/ Lê Tuấn V, sinh năm 1998 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tường A; có vợ tên Văng Thị Tuyết M và 01 người con, sinh năm 2022; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HS-ST ngày 28-4-2022, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực X – Tây Ninh) áp dụng điểm c khoản

1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24-10-2023, chưa được xóa án tích; tiền sự: không có; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2020/HS-PT ngày 26-6-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong bản án ngày 12-02-2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

3/ Đặng Thanh P, sinh năm 1999 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký thường trú: Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là: Ấp E, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thanh K (đã chết) và bà Trần Ngọc S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 09-5-2025, chuyển tạm giam ngày 15-5-2025 cho đến nay; có mặt.

4/ Mai Văn C, sinh năm 2004 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh); nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T1 và bà Võ Thị Kim T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 27-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh) áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 05-02-2024, đã được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 09-5-2025, chuyển tạm giam ngày 15-5-2025 cho đến nay; có mặt.

5/ Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2007 (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có độ tuổi 17 tuổi 06 tháng 25 ngày) tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú: ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D1 (đã chết) và bà Trần Ngọc S; chung sống như vợ chồng với Trương Hoàng L (bị cáo trong vụ án) và có 01 con chung, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất nhập cảnh từ ngày 14-5-2025 cho đến nay tại ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Tuyết N:* bà Nguyễn Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; có mặt.

- *Người làm công tác xã hội:* bà Trần Thị Cẩm T3, chuyên viên Văn hoá - Xã hội xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Trần Ngọc S, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, là mẹ ruột của bị cáo N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 28-4-2025, V mua ma túy của người tên “H2” (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.850.000 đồng. H2 hẹn V ra khu vực chợ T5 để giao ma túy. Sau khi có được ma túy, V mang về nhà cất giấu. Ngày 29-4-2025, V gọi điện thoại cho L, nhờ L giới thiệu bạn gái cho V thì L nói với V mang ma túy đến nhà để giao lưu. Khoảng 10 giờ cùng ngày, V cầm theo 01 bịch ma túy rồi thuê xe taxi đi đến nhà L thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh). Khi đến nơi, L hỏi V “có cầm theo ma túy không” thì V trả lời là “có đang để ở trong túi xách” đeo trên người. L lấy một thùng xốp bỏ các dụng cụ câu cá vào bên trong và yêu cầu V bỏ túi xách bên trong có ma túy vào trong thùng xốp. Lúc này, tại nhà của L có Mai Văn C nên L rủ C và V đến quán C1 để nói chuyện về việc sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý.

Khi đến quán cà phê, L khởi xướng địa điểm tổ chức sử dụng ma túy tại ngôi nhà hoang thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) thì V và C đồng ý. Sau đó, L điện thoại cho P rủ đi sử dụng ma túy và yêu cầu P chạy xe mô tô đến quán C1 để chờ V và C đi trước thì P đồng ý. L tiếp tục điện thoại cho N kêu N điều khiển xe mô tô đến quán C1 để đón L và lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy, hộp quẹt ga, rủ thêm Trần Thị Anh T4, sinh ngày 17-7-2006 cùng đi sử dụng ma túy. Sau đó, N lấy một bộ dụng cụ sử dụng ma túy, một bật lửa bỏ vào túi áo khoác rồi điều khiển xe mô tô chở T4 đến quán. Khoảng 10 phút sau, khi P điều khiển xe mô tô đến quán cà phê thì L đưa cho P một thùng xốp, dặn bên trong có cất giấu ma túy rồi yêu cầu P chở V và C đi trước đến ngôi nhà hoang trước. Khi P vừa đi thì N cũng vừa chở T4 đến, L điều khiển xe mô tô chở N và T4 đến ngôi nhà hoang sau. Đến nơi cả nhóm đi vào bên trong, N đưa cho L bộ dụng cụ sử dụng ma túy để L gắn vào, V đưa cho C bịch ma túy để C xúc ma túy từ trong bịch đổ vào trong bộ D2 rồi dùng bật lửa nấu lên cho cả nhóm sử dụng. Sau khi nấu ma túy xong, C cầm bộ dụng cụ dùng bật lửa nấu ma túy cho từng người sử dụng một lượt đầu tiên, sau đó C bỏ bộ dụng cụ xuống sàn nhà để ai sử dụng thì người đó tự nấu ma túy để sử dụng. Sau khi sử dụng mỗi người được khoảng ba hơi ma túy thì hết ma túy trong bộ dụng cụ, C tiếp tục xúc ma túy trong bịch đổ vào bộ D2 để tiếp tục sử dụng. Do N và T4 không biết sử dụng ma túy nên C nấu ma túy cho N và T4. Phần ma túy còn lại chưa sử dụng hết C đưa cho V giữ. Sau khi sử dụng ma túy được khoảng 30 phút thì cả nhóm ngưng và giải tán; lúc này N dọn dẹp bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi mang về cất giấu tại phòng ngủ ở nhà cho L.

Đến khoảng 21 giờ ngày 29-4-2025, V tiếp tục mang 01 bịch ma túy đến nhà L, lúc này tại nhà của L có N, P và T4. Tại đây V đưa ma túy cho L thì L nói với N lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất giấu trước đó mang ra cho L. Sau khi N mang bộ dụng cụ ra thì L lấy một phần ma túy đổ vào bộ dụng cụ để đốt lên sử dụng. Đồng

thời L rủ thêm N, P và T4 cùng nhau sử dụng chung. Cả nhóm thay phiên nhau sử dụng ma túy, khi mỗi người hút được 02 hơi thì V đi về trước, trong bịch vẫn còn ma túy nên L đổ toàn bộ ma túy trong bịch vào bộ dụng cụ nấu lên để tiếp tục sử dụng. Khi L, N, P và T4 mỗi người hút thêm 02 hơi thì ngưng, L thấy trong bộ dụng cụ vẫn còn nhiều ma túy nên đem bộ dụng cụ vào cất giấu dưới chân giường trong phòng ngủ nhằm mục đích sử dụng tiếp cho những lần sau.

Khoảng 18 giờ ngày 05-5-2025, V tiếp tục đi taxi đến nhà L, đến nơi V hỏi L có ma túy không lấy ra sử dụng thì L nói còn ít ma túy trong bộ dụng cụ hôm trước sử dụng còn lại để lấy ra vét chơi thì V đồng ý. L đi vào phòng ngủ lấy bộ dụng cụ đã dùng để sử dụng ma túy vào tối ngày 29-4-2025 ra khu vực phòng bếp, tại đây L lấy bật lửa nấu ma túy trong bộ dụng cụ để L và V sử dụng, trong lúc sử dụng ma túy thì N có tham gia hút một hơi ma túy rồi đi ra phía trước nhà. Khi L và V sử dụng ma túy xong, bên trong bộ dụng cụ vẫn còn chất ma túy, L định đem cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho lần sau thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và thu giữ tang vật.

* Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 05-5-2025, ngày 06-5-2025 và 07-5-2025 thể hiện: L, V, C, P và N dương tính với chất ma túy, T4 âm tính với chất ma túy.

* Kết luận giám định số: 768/KL-KTHS ngày 13-5-2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh: mẫu 01 (một) chai nắp nhựa màu đen được đục hai lỗ tròn, trên nắp được cắm một ống thủy tinh dạng cong và một ống nhựa màu xanh đã qua sử dụng (kí hiệu M) gửi đến giám định có chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1294 gam (không phải một hai chín bốn gam).

* Kết luận giám định số: 1351/KL-KTHS, ngày 11-9-2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số máy: E3T6E-545193, số khung: RLCUE1710MY333287 số khung và số máy không bị đục xóa;

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số máy: 1FC3-122639, số khung: RLCS1FC30FY122628 số khung và số máy không bị đục xóa.

Bản cáo trạng số: 41/CT-VKSKV11, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trương Hoàng L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Tuấn V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b, c, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Thanh P và Mai Văn C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thị Tuyết N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Trương Hoàng L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất

ma túy”; các bị cáo Lê Tuấn V, Đặng Thanh P, Mai Văn C, Lê Thị Tuyết N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị:

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trương Hoàng L từ 10 (mười) năm tù đến 12 (mười hai) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trương Hoàng L từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Hoàng L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội danh.

- Căn cứ điểm a, b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Tuấn V từ 10 (mười) năm tù đến 12 (mười hai) năm tù.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Thanh P từ 08 (tám) năm tù đến 10 (mười) năm tù.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Mai Văn C từ 08 (tám) năm tù đến 10 (mười) năm tù.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự và Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên: xử phạt bị cáo Lê Thị Tuyết N từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo L, V, P, C: thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo N – bà H1 trình bày: bà thông nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh đã truy tố, luận tội đối với bị cáo N. Tuy nhiên, bị cáo N là người chưa thành niên nên suy nghĩ và nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo sống với mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mẹ bị cáo phải vất vả kiếm sống mưu sinh mỗi ngày, không có nhiều thời gian quan tâm, chăm lo cho bị cáo và hiện tại bị cáo đang phải nuôi con nhỏ. Trong vụ án, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức thứ yếu và nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm mục đích giáo dục họ ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, lối sống, ngăn ngừa họ phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo N hình phạt từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Bị cáo N: không có ý kiến bổ sung đối với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Người làm công tác xã hội bà T3 trình bày: bị cáo N là người chưa thành niên, sinh sống tại xã T, tỉnh Tây Ninh. Trong vụ án này, bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội phạm rất nghiêm trọng do lỗi cố ý. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 38 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, bị cáo thuộc trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, do đó bà không đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng đối với bị cáo.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N: việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đây là điều khoản tùy nghi do Hội đồng xét xử xem xét quyết định; hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo N là phù hợp, vì đã xem xét về nhân thân, đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời nói sau cùng: các bị cáo V, N, C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo N, P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo N, người làm công tác xã hội, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bà S không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Hình sự số 135/VBHN-VPQH ngày 05-9-2025 quy định “c) *Quy định không có lợi cho người phạm tội tại các điều ... 249, 250, 251, 252, 255... của Bộ luật Hình sự ... và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà sau thời điểm đó mới phát hiện hoặc đang bị điều tra, truy tố, xét xử ...; trong trường hợp này, áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 để giải quyết, trừ trường hợp quy*

định tại khoản 4 Điều này”; điểm a khoản 1 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30-11-2024 “a) Đối với vụ việc, vụ án đang trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm mà đến ngày 01 tháng 01 năm 2026 chưa kết thúc thì áp dụng các quy định của Luật này để giải quyết vụ việc, vụ án, ... Trường hợp giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử mà chưa có sự tham gia tố tụng của người làm công tác xã hội thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu người làm công tác xã hội tham gia tố tụng theo quy định của Luật này”.

Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi ngày 29-4-2025 và bị khởi tố, truy tố về tội phạm theo quy định tại các Điều 249, 255 của Bộ luật Hình sự, trong đó bị cáo N là người chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30-11-2024 để giải quyết vụ án đối với các bị cáo và yêu cầu người làm công tác xã hội tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.4] Về việc tách vụ án hình sự có bị cáo là người chưa thành niên: xét thấy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với L, V, P, C, N ngày 14-5-2025 và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh truy tố các bị cáo ngày 22-12-2025. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án mà không trả hồ sơ vụ án để yêu cầu tách vụ án đối với bị cáo N.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 29-4-2025 đến ngày 05-5-2025, tại căn nhà hoang và tại nơi ở của L thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh). L, V, C, P, N cùng nhau thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy túy. Cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 29-4-2025, L, V, C, P, N cùng nhau sử dụng ma túy với T4. Trong đó, V là người cung cấp ma túy; L cung cấp địa điểm, bộ D2 sử dụng ma túy; C trực tiếp đổ ma túy vào bộ dụng cụ và nấu lên cho cả nhóm sử dụng; P sử dụng xe mô tô giúp sức chở số lượng ma túy và V, C vào địa điểm sử dụng ma túy; N đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy giúp cho L và dọn dẹp, cất giấu bộ dụng cụ sau khi cả nhóm sử dụng ma túy xong;

Lần thứ hai: khoảng 21 giờ, ngày 29-4-2025, V cung cấp ma túy, L cung cấp địa điểm và đổ ma túy vào bộ dụng cụ do N cung cấp để đốt lên sử dụng, đồng thời rủ thêm P, T4 cùng nhau sử dụng chung;

Lần thứ ba: khoảng 18 giờ, ngày 05-5-2025, L cung cấp ma túy, bộ dụng cụ cùng sử dụng với V và N.

Hành vi của các bị cáo L, V, P, C, N đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo L 03 lần tổ chức cho từ hai người trở lên sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có người từ đủ 13 tuổi dưới 18 tuổi (bị cáo N), nên bị áp dụng tình tiết định

khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Đối với 02 người trở lên*”, “*Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” quy định tại các điểm a, b, c, khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo V đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nhiều lần cung cấp ma túy cho từ hai người trở lên sử dụng, trong đó có người từ đủ 13 tuổi dưới 18 tuổi (bị cáo N), nên bị áp dụng các tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Đối với 02 người trở lên*”, “*Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*”, “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại các điểm a, b, c, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo C, P cùng lúc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho hai người trở lên, trong đó có người từ đủ 13 tuổi dưới 18 tuổi (bị cáo N), nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Đối với 02 người trở lên*”, “*Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo N hai lần giúp sức cho bị cáo L trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng lúc cho nhiều người, nên bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Đối với 02 người trở lên*” quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.2] Quá trình điều tra tiến hành kiểm tra, khám xét nơi ở của bị cáo L tại ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh phát hiện, thu giữ 0,1294 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích L dùng để sử dụng. Hành vi của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với tình tiết “*c) ... Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam quy định*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.3] Đối với bà Trần Ngọc S là chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà nơi L dùng làm địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bà S hoàn toàn không biết việc các bị cáo sử dụng ma túy và không tham gia giúp sức gì trong vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý là có căn cứ.

Đối với khối lượng 0,1294 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ tại nơi ở của bị cáo L ngày 05-5-2025, L cho rằng đây là số lượng ma túy còn lại từ số lượng ma túy V đưa cho L vào ngày 29-4-2025, nhưng không có chứng cứ chứng minh và V cũng không thừa nhận số lượng ma túy thu giữ nêu trên là của V. Tại phiên tòa, L và V đều xác định khi V đưa ma túy cho L ngày 29-4-2025 để cùng sử dụng, V không yêu cầu hay bắt buộc L phải cất giữ số lượng ma túy còn dư lại; đồng thời L cũng không nói, không hỏi V xử lý số ma túy còn lại như thế nào và cũng không giao trả lại ma túy cho V. Căn cứ lời khai của các bị cáo và tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, không có đủ cơ sở chứng minh V đồng phạm với L trong việc cất giấu, tàng trữ số lượng 0,1294 gam ma túy nêu trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh không khởi tố, truy tố bị cáo V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ.

[2.4] Bản cáo trạng số 41/CT-VKSKV11, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã truy tố đối với các bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.5] Bị cáo N là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, thuộc trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và tại phiên tòa, người làm công tác xã hội cũng đề nghị không xem xét xử lý chuyển hướng đối với bị cáo N. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 38 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, Hội đồng xét xử không áp dụng thủ tục chuyển hướng xử lý đối với bị cáo N.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là loại chất độc được gây nghiện, nên Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm việc trồng, mua bán, vận chuyển, sản xuất, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, mà trực tiếp là hoạt động mua bán, tổ chức sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc.

[4] Vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo: các bị cáo L, P, V, N, C thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết, điều hành, phân công nhiệm vụ cho nhau. Trong đó:

L là người khởi xướng, rủ rê, cung cấp địa điểm và bộ dụng cụ cho các bị cáo khác cùng sử dụng ma túy; V cung cấp ma túy cho các bị cáo khác trong các lần sử dụng ma túy, nên các bị cáo L và V phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo khác.

C, P tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy một lần; N giúp cho L tổ chức sử dụng ma túy hai lần, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng hành vi phạm tội của mình.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo V có bà ngoại là Đoàn Thị Kim L1 được Nhà nước trao tặng “Huy chương kháng chiến Hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”, nên bị cáo V được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo N với lý do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi một con nhỏ là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ bị cáo không thuộc trường hợp quy định nào theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30-9-2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5.3] Nhân thân: các bị cáo V, C từng bị Toà án kết án về các tội “Gây rối trật tự công cộng”, “Cướp giật tài sản”, mặc dù đã được xóa án tích nhưng nhân thân các bị cáo vẫn bị xem là xấu.

[5.4] Hình phạt áp dụng: xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và áp dụng hình phạt tù cho cả hai tội danh đối với bị cáo L, nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội danh đối với bị cáo L.

Bị cáo N là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo L, V, P, C không có tài sản bị kê biên; bị cáo N là người chưa thành niên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Các vật chứng bị tạm giữ là hàng cấm hoặc có liên quan đến việc thực hiện tội phạm không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Các vật chứng bị tạm giữ liên quan đến việc thực hiện tội phạm và còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Các vật chứng bị tạm giữ không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[7] Các bị cáo L, V, P, C, N là người bị kết án, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trương Hoàng L phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; các bị cáo Lê Tuấn V, Đặng Thanh P, Mai Văn C, Lê Thị Tuyết N phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Trương Hoàng L 10 (mười) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Trương Hoàng L 01 (một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Hoàng L phải chấp hành chung cho cả hai tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là 11 (mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

1.2. Căn cứ điểm a, b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn V 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

1.3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh P 08 (tám) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-5-2025.

1.4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Mai Văn C 08 (tám) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-5-2025.

1.5. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Tuyết N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong ký hiệu số 768, bên ngoài có giấy niêm phong được hoàn lại theo Kết luận số 768/KL-KTHS ngày 13-5-2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T bên trong có 01 (một) chai nhựa nắp màu đen được đục hai lỗ tròn, trên nắp được cắm một ống thủy tinh dạng cong và một ống nhựa màu xanh đã qua sử dụng được niêm phong (ký hiệu M);

+ 01 (một) bật lửa gas (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen, số I: 865346060362002/01 gắn sim số 0703.037.466 (đã qua sử dụng) được niêm phong (ký hiệu D1) của bị cáo Lê Tuấn V;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen, số I: 865665063275246/78 gắn sim số 0358.342.104 (đã qua sử dụng) được niêm phong (ký hiệu D2) của bị cáo Lê Thị Tuyết N.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, biển số 61H1- 630.44, số khung: RLCUE1710MY333287, số máy: E3T6E545193 (đã qua sử dụng); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 61003558, biển số đăng ký 61H – 63044 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyA22, số Imeil: 358475775368972, số Imei2: 359111895368977 gắn một sim số 0353.420.301 (đã qua sử dụng) của bị cáo Đặng Thanh P.

- Trả lại cho bà Trần Ngọc S: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu sơn đen vàng, biển số 61H1-260.05, số máy IFC3122639, số khung RLCS1FC30FY122628 (đã qua sử dụng).

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh theo Biên bản bàn giao đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26-12-2025).

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Hoàng L, Lê Tuấn V, Đặng Thanh P, Mai Văn C và Lê Thị Tuyết N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà S) vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THAHS tỉnh Tây Ninh;
- Phân trại tạm giam T, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV-06 Công an tỉnh Tây Ninh;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

